

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HSPT

Ngày: 18-9-2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Hương

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Kim Đồng
2. Ông Trần Đình Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào; Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2017/HSPT ngày 23/8/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số nhà 31/7, Hẻm 31/1 VTT, thôn KT, xã LN, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị Đ; Cả hai hiện sống ở thôn KT, xã LN, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; Có vợ là Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1987 (Ly hôn vào 9/2016); Có 01 con, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Lê Thanh D – Văn phòng Luật sư PT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: 11A LS, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1989

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 11, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở: Thôn 4, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h ngày 02/7/2016, do bức tức về việc vợ là chị Nguyễn Thị Phương Th bỏ nhà lên xã LA, huyện BL ở với chị Nguyễn Thị Ngọc T1 (là chị ruột của Th) nên T xuống bếp lấy một con dao (loại dao chặt thịt dài 40cm tính cả cán gỗ) rồi điều khiển xe máy đến Tiệm uốn tóc của chị T1 tại thôn 3, xã LA, huyện BL để nói chuyện. Khi đến nơi, T dựng xe trong sân, nhìn thấy chị T1 đang nằm trên võng, đầu hướng ra cửa thì T tiến lại gần, tay trái nắm tóc chị T1 kéo giật ra sau, T la hét, yêu cầu chị T1 giao chị Th là vợ T ra và tay phải cầm dao chém xuống mặt chị T1 một nhát trúng vào phần trên môi bên trái làm rách da chảy máu. Thấy chị T1 chảy nhiều máu thì T thả chị T1 ra, sau đó tiếp tục dùng dao chém bẽ ba tấm kính treo tường và chém một nhát vào tủ lạnh trong quán rồi cầm dao bỏ về nhà, chị T1 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện II Lâm Đồng, đến ngày 27/10/2016 chị T1 có đơn yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tại kết luận giám định pháp y số 179/2016/TgT ngày 06/10/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận: Vết thương môi trên, bên trái 4.5cm; các tổn thương khác đã lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 6%. Tổn thương do vật sắc gây nên.

Tại kết luận giám định số 13/17/TgT ngày 10/02/2017 của phân Viện pháp y Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết thương sống mũi, môi trên trái do vật có cạnh sắc tác động vào vùng mặt theo chiều từ phải qua trái, từ trên xuống dưới của tư thế nạn nhân gây ra; con dao (mẫu vật gửi giám định) có khả năng gây ra thương tích trên.

Bản án số 27/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/6/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589, 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1 số tiền 10.904.300đ.

Bản án còn xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 21/7/2017 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, yêu cầu giám định lại thương tật của người bị hại ở Bộ quốc phòng, vết thương của người bị hại không phải do dao chém.

Tại phiên tòa, bị cáo T rút kháng cáo về phần giám định, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, đồng thời xuất trình biên lai đã nộp xong số tiền bản án sơ thẩm tuyên.

Người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời đề nghị bị cáo hỗ trợ thêm 10.000.000đ để trả tiền thuê mặt bằng mở tiệm uốn tóc vì sau khi bị thương người bị hại phải nghỉ để điều trị nhưng vẫn phải trả tiền thuê mặt bằng.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo Điểm h,b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Luật sư bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo thêm các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Điểm h vì bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, điểm b vì bị cáo đã nộp đủ số tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên và tại phiên tòa bị cáo đồng ý hỗ trợ thêm cho người bị hại 10.000.000đ tiền thuê mặt bằng, điểm p là vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải không quanh co chối tội, người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, do vậy đề nghị chấp nhận việc thay đổi kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét một cách đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo, bị hại và luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận do vợ bỏ đi đến nhà chị T1 ở nên bị cáo bức xúc không kiềm chế được bản thân nên đã sử dụng dao gây thương tích đối với chị T1, đến nay bị cáo đã thấy được sai phạm nên đã xin lỗi chị T1 và bồi thường theo yêu cầu của chị T1.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng về nhân thân bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là thiếu sót, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình biên lai đã nộp số tiền theo bản án sơ thẩm tuyên buộc bồi thường cho người bị hại và tự nguyện hỗ trợ thêm cho chị T1 10.000.000đ. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, h, p, Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, giữa bị cáo và người bị hại có quan hệ là em rể nên người bị hại cũng xin cho bị cáo được hưởng án treo nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo có địa chỉ rõ ràng, đủ điều kiện để được áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; Điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; Điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo ngay sau khi tuyên án nếu bị cáo không bị giam, giữ về tội phạm khác.

Tuyên giao cho chị T1 số tiền 10.904.300đ theo biên lai số AA/2010/08686 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND, CA cấp sơ thẩm;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo, Luật sư;
- Người bị hại;
- Phòng KTNV;
- Sở tư pháp;
- Thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Minh Hương

